TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 311/2017/QĐST-HNGĐ	*Cái Bè, ngày 28 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 545/2017/TLST/HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017, giữa:

➢ ***Nguyên đơn***: Chị **LÊ THỊ H,** sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

➢ ***Bị đơn*****:** Anh **NGUYỄN THANH T,** sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Lê Thị H**, sinh năm: 1986, địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang và anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1985, địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Thanh T cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Mai T, sinh ngày 10/01/2011 cho chị H nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời gian thực hiện ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với phần tiền cấp dưỡng nuôi con nếu anh T chậm trả tiền thì anh T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị H tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Gồm 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con). Chị đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07252 ngày 25/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Xuân Lam